

*Đắk Lắk, ngày 26 tháng 12 năm 2014*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng được quy định tại Điều lệ Trường Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ;

Căn cứ Quyết định số 475 /QĐ-BGD&ĐT, ngày 25 tháng 1 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ cho Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Tây Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2014. Các quy định trước đây trái với Quyết định này không còn hiệu lực.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các khoa có đào tạo trình độ thạc sĩ và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

#### ***Nơi nhận:***

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để B/c);
- Hiệu trưởng (để B/c);
- Lưu: HC-TH, ĐTSDH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đã ký

**TS. TRẦN TRUNG DŨNG**

## **QUY ĐỊNH**

### **Đào tạo trình độ thạc sĩ**

*(Ban hành theo Quyết định số 2603/QĐ-ĐHTN-ĐTSDH, ngày 26 tháng 12 năm 2014 của*

*Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên )*

---

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Văn bản này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ Trường Đại học Tây Nguyên, bao gồm: tuyển sinh, chương trình đào tạo, hoạt động đào tạo, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở đào tạo, giảng viên, học viên; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong đào tạo trình độ thạc sĩ.

Văn bản này được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa các quy định thuộc “Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 2. Mục tiêu đào tạo**

Đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

#### **Điều 3. Hình thức và thời gian đào tạo**

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.
2. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện 2 năm. Thời gian được kéo dài không quá 1 năm.

## **Chương II**

### **TUYỂN SINH**

#### **Điều 4. Phương thức tuyển sinh, số lần tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh**

1. Phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ: thi tuyển đối với người Việt Nam và xét tuyển đối với người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Trường.

2. Việc tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được tổ chức từ 1 đến 2 lần/ năm tùy vào tình hình cụ thể.

3. Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: tại Trường Đại học Tây Nguyên.

#### **Điều 5. Các môn thi tuyển sinh**

1. Thi tuyển sinh bao gồm 3 môn thi, cụ thể như sau:

- Môn tiếng Anh: Gồm các kỹ năng đọc và viết tương đương trình độ B.

- Môn cơ bản, môn cơ sở của các chuyên ngành đào tạo.

2. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ khi đáp ứng được một trong các yêu cầu sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 24 Quy định này hoặc tương đương (Phụ lục 23) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

#### **Điều 6. Ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi**

1. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

2. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 1 Điều này) hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

3. Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành khác với ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 2 Điều này).

4. Danh mục ngành gần được dự thi tuyển sinh vào từng ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và danh mục ngành khác được dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý do Hiệu trưởng xác định trong hồ sơ đề nghị cho phép đào tạo ngành, chuyên ngành trình độ thạc sĩ. Việc thay đổi danh mục này do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh.

### **Điều 7. Học bổ sung kiến thức**

1. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 6 Quy định này phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự thi. Học viên phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định đối với hệ đại học.

2. Trên cơ sở đề nghị của trường khoa chuyên môn ngành, chuyên ngành đào tạo thạc sĩ, Hiệu trưởng quyết định việc học bổ sung kiến thức và nội dung kiến thức cần học bổ sung cho người đăng ký dự thi theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

### **Điều 8. Điều kiện dự thi**

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng được các điều kiện sau đây:

#### 1. Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Khoản 1, Điều 6 Quy định này;

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Khoản 2, Điều 6 và đã học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 7 Quy định này;

c) Người tốt nghiệp đại học một số ngành khác theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4, Điều 6 Quy chế này có thể đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Người tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành hoặc phù hợp với chuyên ngành dự thi từ loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. Những trường hợp khác được dự thi sau 1 năm kể từ ngày công nhận tốt nghiệp.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

4. Có đủ sức khỏe để học tập.

5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường.

## **Điều 9. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

### 1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

### 2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định của Quy chế này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn cơ bản.

## **Điều 10. Đăng ký dự thi, gửi giấy báo thi**

### 1. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

a) Đơn đăng ký dự thi theo mẫu của Trường;

b) Bản sao bằng và bảng điểm đại học có xác nhận của công chứng;

c) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương;

d) Công văn hoặc quyết định cử đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý (đối với những người đã có việc làm);

e) Giấy chứng nhận sức khỏe của bệnh viện đa khoa thời gian không quá 6 tháng;

f) Người thuộc đối tượng ưu tiên: nộp 1 bản sao công chứng các giấy tờ sau:

- Trường hợp là thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang: thẻ, giấy chứng nhận;

- Trường hợp là người dân tộc thiểu số: giấy khai sinh;

- Con nạn nhân chất độc da cam: quyết định được hưởng trợ cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, giấy khai sinh;

- Con liệt sĩ: giấy khai sinh;

- Người công tác ở các xã đặc biệt khó khăn tại miền núi 2 năm trở lên: công văn cử đi dự thi, quyết định tuyển dụng tính đến thời điểm nộp hồ sơ ít nhất 2 năm;

g) 02 ảnh 4 x 6 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh) và 02 phong bì có dán tem và ghi địa chỉ của thí sinh.

2. Thí sinh nộp Hồ sơ đăng ký dự thi về Phòng Đào tạo Sau đại học theo thông báo tuyển sinh của Nhà trường.

3. Phòng Đào tạo Sau đại học lập danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi và công bố công khai trên website của Trường chậm nhất 3 tuần trước khi thi môn đầu tiên.

### **Điều 11. Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc hội đồng**

1. Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Thành phần hội đồng gồm:

a) Chủ tịch hội đồng: Hiệu trưởng hoặc phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền;

b) Phó chủ tịch hội đồng: phó Hiệu trưởng;

c) Ủy viên thường trực: trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng Đào tạo Sau đại học;

d) Các uỷ viên: một số trưởng khoa hoặc phó trưởng khoa (trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng) liên quan trực tiếp đến kỳ thi.

2. Các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh do chủ tịch hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập, bao gồm: ban thư ký, ban đề thi, ban coi thi, ban chấm thi, ban phúc khảo, sau đây gọi tắt là các ban của Hội đồng.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng, uỷ viên thường trực và các uỷ viên; tổ chức, tiêu chuẩn tham gia, nhiệm vụ, quyền hạn của các ban giúp việc cho hội đồng tuyển sinh thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

4. Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự thi không được tham gia hội đồng tuyển sinh và bộ máy giúp việc cho hội đồng.

### **Điều 12. Đề thi tuyển sinh**

1. Nội dung đề thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải đảm bảo các điều kiện:

a) Phù hợp với chương trình đào tạo trình độ đại học, đánh giá và phân loại được trình độ của thí sinh;

b) Phù hợp với thời gian quy định cho mỗi môn thi;

c) Đảm bảo tính khoa học, chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, bám sát và bao quát nội dung thi đã được công bố trong thông báo tuyển sinh của Trường, trong phạm vi chương trình đào tạo trình độ đại học.

2. Dạng thức đề thi: Môn Tiếng anh tương đương trình độ B gồm các kỹ năng đọc và viết, thời gian 120 phút. Các môn cơ sở và cơ bản theo hình thức tự luận, thời gian 180 phút.

3. Người ra đề thi phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Có chuyên môn phù hợp với nội dung thi, có tinh thần trách nhiệm, uy tín chuyên môn và có kinh nghiệm ra đề thi;

b) Ra đề thi môn ngoại ngữ phải là thạc sĩ trở lên; ra đề các môn thi khác phải là tiến sĩ;

c) Giữ bí mật về công tác ra đề thi, chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng đề thi; bị xử lý kỷ luật nếu ra đề thi sai hoặc vi phạm nguyên tắc, quy trình bảo mật đề thi.

4. Đề thi được sử dụng từ ngân hàng đề thi hoặc ra đề độc lập

a) Nếu sử dụng ngân hàng đề thi thì ngân hàng phải có tối thiểu 100 câu hỏi đối với hình thức thi tự luận hoặc có gấp 30 lần số lượng câu hỏi của mỗi đề thi đối với các hình thức thi khác để xây dựng tối thiểu 3 bộ đề thi cho mỗi môn thi; hoặc có tối thiểu 30 bộ đề thi hoàn chỉnh để chọn ngẫu nhiên lấy tối thiểu 3 đề thi;

b) Trong trường hợp ra đề độc lập, mỗi môn thi phải có tối thiểu 3 đề thi nguồn do 3 người khác nhau giới thiệu để trường môn thi tổ hợp thành hai hoặc ba đề thi. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh trực tiếp mời người giới thiệu đề thi, tiếp nhận đề thi nguồn và giữ bí mật thông tin về người ra đề thi.

5. Quy trình làm đề thi, công tác bảo mật đề thi, việc xử lý các sự cố bất thường của đề thi theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

6. Thang điểm của đề thi môn ngoại ngữ là thang điểm 100; thang điểm của đề thi các môn khác là thang điểm 10.

7. Quy trình chọn, kiểm tra và in sao đề thi

a) Trước khi chọn đề thi để in, mỗi môn thi phải có ít nhất 3 đề.

b) Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh hoặc Trưởng ban Đề thi có trách nhiệm mã hóa các phong bì đựng đề thi.

c) Tổ chức chọn ngẫu nhiên lấy một đề thi chính thức cho kỳ thi. Các đề thi còn lại làm đề dự bị 1 và dự bị 2. Bì đựng đáp án chỉ được mở khi chấm thi.

d) Người tham gia làm đề thi phải cách ly với môi trường bên ngoài từ khi tiếp xúc với đề thi và chỉ được ra khỏi nơi làm đề thi khi đề thi đã mở tại phòng thi được 120 phút.

e) Việc in, đóng gói, bảo quản, phân phối, sử dụng đề thi được tiến hành dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trưởng ban đề thi.

### **Điều 13. Tổ chức thi tuyển sinh**

1. Các môn thi được tổ chức trong các ngày thi liên tục. Lịch thi cụ thể của kỳ thi phải đưa vào nội dung thông báo tuyển sinh.

2. Khu vực thi được bố trí độc lập, an toàn, yên tĩnh; đảm bảo 2 giám thị/phòng thi; tối đa 30 thí sinh/phòng; khoảng cách giữa hai thí sinh liền kề nhau trong phòng thi phải từ 1,2m trở lên. Các quy định về nội quy phòng thi, danh sách thí sinh, lịch thi và thời gian làm bài của từng môn thi phải được dán trước phòng thi.

3) Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng ban coi thi:

a) Phân công nhiệm vụ và chỉ đạo hoạt động của các thành viên Ban coi thi, cán bộ coi thi, giám sát phòng thi, trật tự viên, cán bộ y tế, công an, nhân viên phục vụ.

b) Điều hành toàn bộ công tác coi thi theo quy định.

c) Quyết định xử lý các tình huống xảy ra trong các buổi thi.

d) Những người tham gia các công việc trên không có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự thi. Giám thị và thư ký là những người có trình độ thạc sĩ trở lên.

4. Chủ tịch hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi tuyển sinh theo Quy định này.

#### **Điều 14. Chấm thi tuyển sinh**

1. Thành phần Ban chấm thi gồm: Trưởng ban là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và các ủy viên làm nhiệm vụ Trưởng môn chấm thi, cán bộ chấm thi và các nhiệm vụ khác có liên quan đến công tác chấm thi.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng ban Chấm thi:

a) Phân công nhiệm vụ và chỉ đạo hoạt động của các thành viên Ban chấm thi và trưởng môn chấm thi.

b) Điều hành công tác chấm thi.

c) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng tuyển sinh về chất lượng, tiến độ và quy trình chấm thi.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấm thi thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng môn chấm thi:

a) Xây dựng thang điểm chấm thi: Thang điểm chấm thi môn cơ bản và môn cơ sở là thang điểm 10. Các ý nhỏ được chấm lẻ đến 0,25 điểm.

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng Tuyển sinh và Trưởng ban Chấm thi về việc chấm các bài thi thuộc môn mình phụ trách theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

5. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ chấm thi:

a) Cán bộ chấm thi phải là giảng viên đang giảng dạy môn được phân công chấm, có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm, trung thực, khách quan.

b) Cán bộ chấm thi phải thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

#### **Điều 15. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển**

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn cơ sở của ngành, chuyên ngành;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.



4. Nếu học viên là người nước ngoài thì áp dụng theo Khoản 4 Điều 16 của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ Ban hành theo Thông tư 15 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 16. Quyết định trúng tuyển và công nhận học viên**

1. Hiệu trưởng quyết định kết quả xét tuyển, thi tuyển; dự kiến phương án xác định điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển, quyết định phương án xác định điểm trúng tuyển trên cơ sở chỉ tiêu đã xác định, ký duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển, thông báo công khai trên website của Trường.

2. Nhà trường gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh trong danh sách trúng tuyển trước ngày nhập học tối thiểu 15 ngày.

3. Hiệu trưởng ra quyết định công nhận học viên của khóa đào tạo trình độ thạc sĩ cho những thí sinh trúng tuyển đã đăng ký nhập học, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 17. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh**

Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ các khâu trong công tác tuyển sinh tại Trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Những người có người thân (bố, mẹ; vợ, chồng; con; anh, chị, em ruột) dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tuyển sinh.

### **Chương III CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 18. Xây dựng chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo định hướng nghiên cứu hoặc ứng dụng tùy theo từng chuyên ngành đào tạo và do các khoa đề xuất.

1. Chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành, chuyên ngành và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu, phát triển các quan điểm, luận thuyết khoa học, bước đầu có thể hình thành ý tưởng khoa học, phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo; có khả năng thiết kế sản phẩm, ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; có thể học bổ sung một số kiến thức cơ sở ngành

và phương pháp nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

### **Điều 19. Cấu trúc chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ. Tổng khối lượng chương trình 60 tín chỉ. Khối lượng học tập của mỗi tín chỉ theo quy định của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành.

1. Phần kiến thức chung: bao gồm học phần Triết học có khối lượng 4 tín chỉ đối với các chuyên ngành thuộc nhóm ngành khoa học xã hội, nhân văn và 3 tín chỉ đối với các chuyên ngành thuộc nhóm ngành khoa học khác; Học phần Tiếng anh có khối lượng 6 tín chỉ.

2. Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành: bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn. Trong đó, các học phần tự chọn chiếm tối thiểu 30% khối lượng chương trình đào tạo.

3. Luận văn: có khối lượng 10 tín chỉ.

### **Điều 20. Xây dựng và ban hành chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo do Hiệu trưởng tổ chức xây dựng theo quy định hiện hành về điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo. Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng, việc xây dựng chương trình đào tạo phải có sự tham gia của tổ chức hoặc cá nhân làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực sử dụng lao động sau đào tạo.

2. Tối thiểu sau mỗi khoá học, Hiệu trưởng xem xét việc sửa đổi, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và tiếp cận với chương trình đào tạo của các nước tiên tiến. Việc sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo (nếu có) thực hiện theo quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo hiện hành.

3. Hiệu trưởng quyết định việc sử dụng chương trình đào tạo thạc sĩ đang được áp dụng ở một trường đại học tiên tiến trên thế giới, đã được kiểm định bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận, có điều chỉnh cho phù hợp với Việt Nam, đảm bảo học phần triết học theo đúng quy định, được hội đồng khoa học đào tạo của Trường thông qua và phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ.

## **Chương IV**

### **HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO**

#### **Điều 21. Tổ chức đào tạo**

Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo học chế tín chỉ và tập trung.

##### 1. Thời gian và kế hoạch đào tạo

Nhà trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

- Khóa học là thời gian để học viên hoàn thành một chương trình đào tạo cho một chuyên ngành cụ thể.

- Một năm học có hai học kỳ, mỗi học kỳ có từ 10 đến 15 tuần học và 3 đến 4 tuần thi.

##### 2. Tổ chức lớp học và giảng dạy

Đầu khóa học, phòng Đào tạo sau đại học thông báo cho học viên về chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình; kế hoạch học tập; kế hoạch kiểm tra, thi, thi lại; thời gian tổ chức bảo vệ và bảo vệ lại luận văn; các quy định của Trường có liên quan đến khóa học.

Đề cương chi tiết học phần phải rõ các nội dung: mục tiêu, số tín chỉ, học phần tiên quyết, nội dung, hình thức tổ chức dạy học, hình thức và phương pháp đánh giá, học liệu của học phần và các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của Nhà trường.

Mỗi kỳ học có thời khóa biểu chi tiết, lịch học từng kỳ do phòng Đào tạo Sau đại học xây dựng dựa trên kế hoạch đào tạo của cả năm học, có tham gia ý kiến của các khoa và có thể thay đổi thời gian, cán bộ giảng dạy tùy thuộc vào tình hình cụ thể của từng môn học. Phòng Đào tạo Sau đại học thông báo kế hoạch cụ thể đến các khoa và gửi giấy mời giảng các học phần trong học kỳ đó cho các giảng viên thỉnh giảng theo đề xuất của khoa.

Việc tổ chức lớp với các học phần được thực hiện theo nguyên tắc:

+ Nếu lớp có sĩ số dưới 10 học viên, thì số học viên đăng ký học phần tối thiểu là 5 người, nếu lớp có sĩ số trên 10 học viên, thì số học viên đăng ký học phần tối thiểu là 10 người.

+ Nếu số lượng học viên đăng ký học phần thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và học viên phải chuyển sang đăng ký học những học phần khác để đảm bảo đủ số lượng quy định.

+ Thời gian đăng ký học phần tự chọn được tổ chức trong 2 tuần đầu của khóa học (theo mẫu tại phụ lục 01).

- Đối với học phần có thực tập: tại phòng thí nghiệm mỗi nhóm có 15 – 20 học viên; tại phòng Lab, phòng máy tính từ 20 – 30 học viên/nhóm.

Thời gian giảng dạy lý thuyết mỗi ngày không quá 10 tiết.

Việc thực hành các môn học do Khoa và Bộ môn sắp xếp theo kế hoạch đã được phê duyệt.

## **Điều 22. Thi, kiểm tra, đánh giá**

1. Cuối mỗi học kỳ sẽ tổ chức kỳ thi các học phần đã hoàn thành. Việc tổ chức thi do Phòng Đào tạo Sau đại học phối hợp với các khoa.

Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

- + Tham dự ít nhất 75% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết;
- + Tham dự đầy đủ các buổi thực hành, sinh hoạt khóa học;
- + Có đầy đủ điểm bài tập, kiểm tra định kỳ, điểm tiểu luận theo quy định học phần.

Học viên không đáp ứng một trong các điều kiện trên sẽ bị cấm thi. Học viên bị cấm thi sẽ nhận điểm 0 và phải học lại (kinh phí phải đóng góp theo quy định). Học viên vắng thi không phép sẽ bị điểm 0 cho điểm thi kết thúc học phần.

Trường hợp vì lý do bất khả kháng không thể tham dự kỳ thi kết thúc học phần, học viên phải làm đơn xin hoãn thi và nộp cho Phòng Đào tạo Sau đại học trước buổi thi kết thúc học phần.

2. Việc đánh giá học phần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, phân loại được trình độ của người học; công khai, minh bạch các quy định về đánh giá và kết quả đánh giá học phần;

b) Đề thi, kiểm tra phải phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu học phần đã xác định trong đề cương chi tiết;

Hình thức đánh giá học phần có thể là chuyên đề, thi tự luận hoặc thi trắc nghiệm.

Chuyên đề được đánh máy trên khổ giấy A4, phần nội dung tối thiểu là 20 trang, tối đa 50 trang. Sau khi chấm, cán bộ giảng dạy phải nộp lại chuyên đề cho bộ môn phụ trách học phần và trưởng bộ môn có trách nhiệm tổ chức lưu giữ trong thời gian 5 năm.

Đối với đề thi tự luận, giảng viên soạn ngân hàng câu hỏi thi đánh máy trên khổ giấy A4 kèm theo quy định thời lượng đề thi và cách tổ hợp các câu hỏi thành đề thi. Ngân hàng câu hỏi phải được xác nhận của trưởng bộ môn. Số lượng câu hỏi cho mỗi tín chỉ ít nhất là 6 câu đối với học phần có 1 hoặc 2 tín chỉ, đối với học phần từ 3 tín chỉ trở lên thì cứ mỗi tín chỉ thêm 2 câu. Câu hỏi phải đảm bảo tổ hợp được đề thời gian thi cho mỗi học phần từ 90 đến 120 phút/đề.

Đối với đề thi trắc nghiệm, giảng viên ra câu hỏi thi có 4 lựa chọn, có ít nhất 60 câu hỏi và làm ít nhất 2 mã đề có thời gian làm bài là từ 60 đến 90 phút. Khi nộp đề, giảng viên nộp kèm phương án trả lời để thực hiện chấm điểm.

Ngân hàng câu hỏi hoặc đề thi được niêm phong và nộp cho phòng Đào tạo Sau đại học. Trước ngày thi, Ban đề thi bốc thăm các câu hỏi theo quy định để tổ hợp thành đề thi, in và nhân sao đề thi cho các học phần và bàn giao cho Ban coi thi.

c) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập với thi kết thúc học phần;

d) Kết hợp một số hình thức đánh giá (bài tập, tiểu luận, kết quả thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết...) phù hợp với yêu cầu của học phần;

e) Kết hợp đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học.

3. Điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận nhân với trọng số tương ứng, trong đó điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,7; các điểm bộ phận còn lại có trọng số 0,3 do giảng viên phụ trách học phần quy định trong đề cương chi tiết. Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm học phần từ 4,0 trở lên. Nếu điểm học phần dưới 4,0 thì học viên phải học lại học phần đó hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn).

4. Nếu điểm trung bình chung các học phần chưa đạt 5,5 trở lên thì học viên phải đăng ký học lại một hoặc một số học phần có điểm dưới 5,5 hoặc có thể đổi sang học phần khác tương đương (nếu là học phần tự chọn). Điểm được công nhận sau khi học lại là điểm học phần cao nhất trong 2 lần học.

### **Điều 23. Luận văn**

#### 1. Đề tài luận văn

a) Đề tài luận văn do trưởng khoa chuyên môn công bố hoặc do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và trưởng khoa chuyên môn đồng ý;

b) Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 6 tháng, trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa chuyên môn và trưởng phòng đào tạo sau đại học;

c) Việc thay đổi đề tài trước khi tổ chức bảo vệ luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định, trên cơ sở đơn đề nghị của học viên, được người hướng dẫn và trưởng khoa chuyên môn đồng ý.

#### 2. Yêu cầu đối với luận văn:

a) Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học, có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo;

b) Luận văn của chương trình theo định hướng ứng dụng là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới... trong lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế;

c) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam;

d) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác hoặc của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ, rõ ràng tại vị trí trích dẫn và tại danh mục tài liệu tham khảo. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào;

e) Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, khúc chiết, không tẩy xóa.

#### 3. Cách thức trình bày luận văn theo quy định của Nhà trường.

#### 4. Trình tự giao đề tài luận văn:

- Khoa có trách nhiệm đề nghị giảng viên có học vị tiến sĩ đúng chuyên ngành ở trong và ngoài Trường đăng ký tên đề tài, sau đó lập danh sách đề tài và thông báo cho học viên đăng ký;

- Học viên được đăng ký đề tài tốt nghiệp vào cuối học kỳ 2 của khóa học;

- Căn cứ vào đề nghị của khoa và phòng Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài và phân công người hướng dẫn học viên thực hiện đề tài;

- Sau khi nhận được quyết định phân công giáo viên hướng dẫn, học viên tiến hành xây dựng đề cương (theo mẫu tại phụ lục 13) sau đó trình bày đề cương trước bộ môn/ hội đồng chuyên ngành góp ý, lập thành biên bản gửi về phòng Đào tạo Sau đại học;

- Hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá đề cương. Khoa phối hợp với phòng Đào tạo Sau đại học tổ chức duyệt đề cương đề tài luận văn;

- Trong quá trình thực hiện luận văn, tùy thuộc vào tình hình thực tế, học viên có thể đề nghị thay đổi tên đề tài luận văn, thay đổi người hướng dẫn luận văn, xin gia hạn thời gian thực hiện luận văn. Trường hợp này học viên phải làm đơn;

- Trong quá trình thực hiện luận văn, học viên phải báo cáo tiến độ và kết quả nghiên cứu trước bộ môn/hội đồng chuyên ngành, lập thành biên bản gửi về phòng Đào tạo Sau đại học vào giữa học kỳ 4.

#### **Điều 24. Hướng dẫn luận văn và điều kiện bảo vệ luận văn**

##### 1. Hướng dẫn luận văn:

a) Mỗi luận văn có một hoặc hai người hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người hướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai;

b) Người có chức danh giáo sư được hướng dẫn tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh phó giáo sư được hướng dẫn tối đa 5 học viên; người có học vị tiến sĩ từ 1 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác;

c) Riêng đối với luận văn thuộc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng thì người hướng dẫn thứ hai có thể là người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 15 năm kinh nghiệm làm công tác thực tế thuộc lĩnh vực của đề tài; được hướng dẫn tối đa 2 học viên trong cùng thời gian, tính trong tất cả các cơ sở đào tạo có tham gia hướng dẫn.

##### 2. Điều kiện bảo vệ luận văn:

a) Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10).

b) Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục 23);

- c) Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu;
- d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;
- đ) Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.
- e) Hoàn thành việc nộp học phí và kinh phí đào tạo;
- f) Bảo vệ trước bộ môn/khoa đạt yêu cầu.

Bộ môn/khoa tổ chức duyệt luận văn trước khi bảo vệ chính thức 1 tháng để góp ý chỉnh sửa và xem xét quyết định việc học viên có đủ điều kiện bảo vệ chính thức hay không. Sau khi được thông qua bộ môn/khoa, học viên chỉnh sửa theo góp ý và nộp 6 cuốn cho Phòng Đào tạo Sau đại học tối thiểu trước khi bảo vệ chính thức 15 ngày. Phòng Đào tạo Sau đại học có trách nhiệm chuyển luận văn và Quyết định hội đồng chấm luận văn đến các thành viên hội đồng.

### **Điều 25. Hội đồng đánh giá luận văn**

1. Hội đồng đánh giá luận văn do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa chuyên môn và trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

2. Hội đồng đánh giá luận văn có năm thành viên, gồm: chủ tịch, thư ký, hai phản biện và uỷ viên. Hội đồng có tối thiểu hai thành viên ở ngoài cơ sở đào tạo, thuộc hai đơn vị khác nhau; trong đó, ít nhất có một người là phản biện.

3. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá luận văn:

Các thành viên hội đồng là những người có học vị tiến sĩ từ 2 năm trở lên hoặc có chức danh phó giáo sư, giáo sư cùng ngành, chuyên ngành đào tạo với học viên, am hiểu lĩnh vực của đề tài luận văn.

Trường hợp khác được thực hiện theo Khoản 3 Điều 28 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Điều 26. Đánh giá luận văn**

1. Luận văn được đánh giá công khai tại phiên họp của hội đồng. Hội đồng tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn theo quy định; đảm bảo đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Điểm chấm luận văn của từng thành viên hội đồng theo thang điểm 10, có thể lẻ đến một chữ số thập phân, gồm: điểm nội dung luận văn tối đa 9 điểm và điểm thành tích nghiên cứu tối đa 1 điểm cho những luận văn mà học viên đã có bài báo khoa học liên quan công bố trên danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu. Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn

đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của hội đồng chấm từ 5,5 điểm trở lên.

3. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bảo vệ luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba. Nếu học viên có nguyện vọng thì Hiệu trưởng giao đề tài mới. Trong trường hợp này, không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

### **Điều 27. Thẩm định luận văn**

#### 1. Thành lập hội đồng thẩm định

Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy luận văn không đảm bảo các yêu cầu theo quy định hoặc khi thấy cần thiết, Hiệu trưởng thành lập hội đồng thẩm định luận văn theo Khoản 1 Điều 30 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thẩm định luận văn: Thực hiện Khoản 2 Điều 30 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **Điều 28. Những thay đổi trong quá trình đào tạo**

#### 1. Nghỉ học tạm thời

a) Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp: Được điều động vào lực lượng vũ trang hoặc làm nghĩa vụ quốc tế; bị ốm, bị tai nạn phải điều trị thời gian dài hoặc nghỉ thai sản theo quy định, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền. Đối với các trường hợp khác, Trường chỉ giải quyết cho nghỉ học tạm thời đối với học viên đã học tối thiểu một học kỳ tại cơ sở đào tạo, đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10 và không bị kỷ luật;

b) Thời gian nghỉ học tạm thời cho người được điều động vào lực lượng vũ trang, đi làm nghĩa vụ quốc tế là thời gian được ghi trong quyết định của cấp có thẩm quyền, không tính vào thời gian học theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này;

Thời gian nghỉ học tạm thời cho các trường hợp khác là thời gian cần thiết theo nhu cầu, nguyện vọng của học viên nhưng thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo phải theo đúng quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này;

c) Học viên xin nghỉ học tạm thời phải có đơn, được khoa chuyên môn và phòng Đào tạo Sau đại học xác nhận. Hiệu trưởng ra quyết định cho phép học viên được nghỉ học tạm thời. Khi học viên trở lại tiếp tục học phải có đơn và nhận xét của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương, khoa chuyên môn và phòng Đào tạo Sau đại học đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định cho phép học viên tiếp tục học.

#### 2. Chuyển trường



a) Trong thời gian học tập, học viên được phép chuyển cơ sở đào tạo nếu chuyển vùng cư trú sang tỉnh khác, có giấy xác nhận của chính quyền địa phương hoặc học viên được tuyển dụng, điều động công tác đến tỉnh khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền, không thể tiếp tục học tập tại cơ sở đào tạo, trừ trường hợp được quy định tại Điểm c, Khoản này;

b) Điều kiện được chuyển cơ sở đào tạo: cơ sở đào tạo chuyển đến đang đào tạo đúng ngành, chuyên ngành của học viên; nguyện vọng chuyển cơ sở đào tạo của học viên phải được sự đồng ý của thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đi và nơi chuyển đến;

c) Học viên không được chuyển cơ sở đào tạo khi đang học ở học kỳ cuối của khóa học hoặc đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

d) Học viên xin chuyển cơ sở đào tạo phải làm hồ sơ xin chuyển theo quy định của cơ sở đào tạo nơi đến. Thủ trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đến ra quyết định tiếp nhận học viên, quyết định công nhận một phần hoặc toàn bộ các học phần mà học viên đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh với chương trình của hai cơ sở đào tạo.

## **Điều 29. Tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ, giấy chứng nhận**

1. Điều kiện tốt nghiệp:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định;

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện về thư viện Trường, Khoa chuyên môn và phòng Đào tạo Sau đại học.

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Trường quy định tại Khoản 9, Điều 31 Quy định này;

2. Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định thành lập, trên cơ sở đề nghị của trưởng phòng đào tạo sau đại học. Hội đồng do Hiệu trưởng hoặc phó Hiệu trưởng được ủy quyền làm chủ tịch, trưởng phòng đào tạo sau đại học làm uỷ viên thường trực, các uỷ viên là trưởng khoa chuyên môn có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị thủ trưởng cơ sở đào tạo công nhận tốt nghiệp.

3. Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và bằng điểm cho học viên theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp.

4. Bảng điểm cấp cho học viên phải ghi rõ: ngành, chuyên ngành đào tạo, loại chương trình đào tạo (định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng), tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm học phần, điểm trung bình chung các học phần, tên đề tài luận văn, điểm luận văn và danh sách thành viên hội đồng đánh giá luận văn.

5. Bằng tốt nghiệp phải tuân thủ quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Nếu học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, đã hết thời gian đào tạo theo quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Quy định này, có yêu cầu thi được thủ trưởng cơ sở đào tạo cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

**Điều 30. Chế độ báo cáo, lưu trữ**

Chế độ báo cáo, lưu trữ được thực hiện theo Điều 33 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Chương V**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO, GIẢNG VIÊN, HỌC VIÊN**

**Điều 31. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở đào tạo**

Được thực hiện theo Điều 34 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 32. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ**

Được thực hiện theo Điều 35 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 33. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ**

Được thực hiện theo Điều 36 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 34. Nhiệm vụ và quyền của học viên**

Được thực hiện theo Điều 37 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **Chương VI**

### **THANH TRA, KIỂM TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 35. Thanh tra, kiểm tra**

Được thực hiện theo Điều 38 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 36. Khiếu nại, tố cáo**

Được thực hiện theo Điều 39 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 37. Xử lý vi phạm**

Được thực hiện theo Điều 40 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Chương VII  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 38. Áp dụng Quy chế**

1. Quy định này áp dụng từ khóa tuyển sinh tháng 9/2014 trở đi.
2. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.
3. Ngoài những quy định cụ thể nêu trên, các điều khoản khác liên quan đến quản lý, giảng dạy, học tập và kiểm tra được thực hiện theo các quy định trong các văn bản pháp quy hiện hành, do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho đào tạo sau đại học.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đã ký

**TS. TRẦN TRUNG DŨNG**